

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2017-2018

Khoa: Công nghệ Động Lực

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)			
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém					
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Cao đẳng																							
Ngành: Công nghệ Ô Tô																							
1	15CD-Ô1	49		13	36	0	0.00	4	8.16	4	8.16	36	73.47	4	8.16	1	2.04	0	0.00	7			
2	15CD-Ô2	46		7	39	1	2.17	1	2.17	6	13.04	16	34.78	21	45.65	0	0.00	1	2.17	4			
3	15CD-Ô3	50	1	15	35	0	0.00	1	2.00	4	8.00	19	38.00	26	52.00	0	0.00	0	0.00	4			
4	15CD-Ô4	39		8	31	0	0.00	0	0.00	2	5.13	29	74.36	7	17.95	1	2.56	0	0.00	7			
5	15CD-Ô5	49		10	39	2	4.08	1	2.04	2	4.08	30	61.22	12	24.49	2	4.08	0	0.00	2			
6	15CD-Ô6	49		12	37	0	0.00	0	0.00	7	14.29	29	59.18	11	22.45	2	4.08	0	0.00	3			
7	16CD-Ô1	42		20	22	1	2.38	2	4.76	4	9.52	28	66.67	7	16.67	0	0.00	0	0.00	4			
8	16CD-Ô2	41		11	30	0	0.00	2	4.88	6	14.63	21	51.22	12	29.27	0	0.00	0	0.00	7			
9	16CD-Ô3	38	1	12	26	0	0.00	0	0.00	6	15.79	21	55.26	10	26.32	1	2.63	0	0.00	12			
10	16CD-Ô4	38		11	27	0	0.00	3	7.89	3	7.89	24	63.16	6	15.79	2	5.26	0	0.00	9			
11	16CD-Ô5	51		10	41	0	0.00	1	1.96	4	7.84	19	37.25	19	37.25	8	15.69	0	0.00	3			
12	16CD-Ô6	36	1	11	25	0	0.00	0	0.00	3	8.33	23	63.89	9	25.00	1	2.78	0	0.00	11			
13	16CD-Ô7	40		11	29	0	0.00	1	2.50	4	10.00	20	50.00	13	32.50	2	5.00	0	0.00	10			
14	16CD-Ô8	40		8	32	1	2.50	1	2.50	5	12.50	22	55.00	10	25.00	1	2.50	0	0.00	10			
15	16CD-Ô9	42		12	30	0	0.00	0	0.00	5	11.90	25	59.52	8	19.05	4	9.52	0	0.00	7			
16	16CD-Ô10	47		16	31	0	0.00	0	0.00	7	14.89	23	48.94	16	34.04	1	2.13	0	0.00	0			
17	16CD-Ô11	45		20	25	0	0.00	2	4.44	11	24.44	13	28.89	15	33.33	4	8.89	0	0.00	2			
18	16CD-Ô12	37		9	28	0	0.00	2	5.41	3	8.11	22	59.46	7	18.92	3	8.11	0	0.00	11			

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
19	17C1-CNÔ1	52		20	32	1	1.92	3	5.77	14	26.92	28	53.85	5	9.62	1	1.92	0	0.00	6	
20	17C1-CNÔ2	49		13	36	1	2.04	3	6.12	4	8.16	28	57.14	9	18.37	4	8.16	0	0.00	8	
21	17C1-CNÔ3	49		18	31	1	2.04	5	10.20	11	22.45	26	53.06	4	8.16	2	4.08	0	0.00	7	
22	17C1-CNÔ4	53	1	16	37	0	0.00	1	1.89	4	7.55	22	41.51	19	35.85	7	13.21	0	0.00	3	
23	17C1-CNÔ5	48		20	28	0	0.00	4	8.33	4	8.33	19	39.58	20	41.67	1	2.08	0	0.00	8	
24	17C1-CNÔ6	46		18	28	0	0.00	1	2.17	6	13.04	23	50.00	13	28.26	3	6.52	0	0.00	11	
25	17C1-CNÔ7	49	4	18	31	0	0.00	3	6.12	2	4.08	16	32.65	25	51.02	3	6.12	0	0.00	9	
26	17C1-CNÔ8	49		27	22	2	4.08	2	4.08	7	14.29	28	57.14	7	14.29	3	6.12	0	0.00	7	
27	17C1-CNÔ9	51		10	41	1	1.96	4	7.84	3	5.88	31	60.78	11	21.57	1	1.96	0	0.00	4	
28	17C1-CNÔ10	51		19	32	0	0.00	3	5.88	3	5.88	31	60.78	13	25.49	1	1.96	0	0.00	5	
29	17C1-CNÔ11	48		12	36	1	2.08	1	2.08	2	4.17	28	58.33	15	31.25	1	2.08	0	0.00	10	
30	17C1-CNÔ12	45		14	31	0	0.00	0	0.00	5	11.11	16	35.56	23	51.11	1	2.22	0	0.00	12	
31	17C1-CNÔ13	51		9	42	1	1.96	0	0.00	2	3.92	32	62.75	14	27.45	2	3.92	0	0.00	7	
32	17C1-CNÔ14	47		13	34	0	0.00	0	0.00	0	0.00	19	40.43	20	42.55	8	17.02	0	0.00	10	
33	17C1-CNÔ15	48		6	42	0	0.00	1	2.08	2	4.17	11	22.92	18	37.50	16	33.33	0	0.00	8	
34	17C1-CNÔ16	43		16	27	0	0.00	1	2.33	0	0.00	7	16.28	20	46.51	14	32.56	1	2.33	15	
35	16CĐ-LTÔTÔ	17		3	14	0	0.00	0	0.00	3	17.65	11	64.71	1	5.88	1	5.88	1	5.88	0	
36	15CĐN-Ô	24		9	15	0	0.00	0	0.00	12	50.00	10	41.67	2	8.33	0	0.00	0	0.00	0	
37	16CĐN-Ô1	25		9	16	0	0.00	3	12.00	3	12.00	17	68.00	2	8.00	0	0.00	0	0.00	2	
38	16CĐN-Ô2	24		6	18	0	0.00	2	8.33	5	20.83	14	58.33	2	8.33	1	4.17	0	0.00	16	
CỘNG 38 Lớp		1648	8	492	1156	13	0.79	58	3.52	178	10.80	837	50.79	456	27.67	103	6.25	3	0.18	261	
Trung cấp																					
Ngành: Bảo trì và Sửa chữa Ô Tô																					
1	15TC-Ô	14		10	4	0	0.00	0	0.00	2	14.29	4	28.57	3	21.43	5	35.71	0	0.00	0	
2	16TC-Ô1	50		36	14	0	0.00	0	0.00	4	8.00	7	14.00	21	42.00	12	24.00	6	12.00	16	
3	16TCT-Ô1	17		9	8	0	0.00	0	0.00	8	47.06	8	47.06	0	0.00	1	5.88	0	0.00	7	
4	16TN-Ô	8		1	7	0	0.00	2	25.00	1	12.50	5	62.50	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
	16TCT-Ô2	15		7	8	0	0.00	0	0.00	0	0.00	14	93.33	1	6.67	0	0.00	0	0.00	3	
CỘNG 04 Lớp		104	0	63	41	0	0.00	2	1.92	15	14.42	38	36.54	25	24.04	18	17.31	6	5.77	28	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ Ô Tô																				
1	15TCN-Ô1	42		34	8	0	0.00	0	0.00	6	14.29	3	7.14	24	57.14	4	9.52	5	11.90	0
2	16TCN-Ô1	39		26	13	0	0.00	2	5.13	1	2.56	3	7.69	17	43.59	13	33.33	3	7.69	0
3	16TCN-Ô2	46		37	9	0	0.00	2	4.35	3	6.52	9	19.57	18	39.13	10	21.74	4	8.70	0
4	17T4-CNÔ1	55		45	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	7	12.73	32	58.18	14	25.45	2	3.64	1
5	17T4-CNÔ2	58		47	11	0	0.00	0	0.00	3	5.17	5	8.62	30	51.72	13	22.41	7	12.07	0
6	17T4-CNÔ3	58		47	11	0	0.00	0	0.00	3	5.17	17	29.31	30	51.72	3	5.17	5	8.62	0
7	17T4-CNÔ4	52		42	10	0	0.00	0	0.00	1	1.92	6	11.54	25	48.08	19	36.54	1	1.92	3
CỘNG 07 Lớp		350	0	278	72	0	0.00	4	1.14	17	4.86	50	14.29	176	50.29	76	21.71	27	7.71	4
TỔNG CỘNG (49 LỚP)		2102	8	833	1269	13	0.62	64	3.04	210	9.99	925	44.01	657	31.26	197	9.37	36	1.71	293

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 2.395 HSSV. Trong đó có 293 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không nộp tờ đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2018

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh